| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **780**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 11 – 2025
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

*Các hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Danh Cư

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1); số 126 đường Lê Quyên, phường Chánh Hưng (Phường 5, Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 626/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kiều O**; Sinh ngày 21/8/1988; Căn cước công dân số: 094188000154 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021; Địa chỉ thường trú: C3/88A ấp 56, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: C3/88A ấp 3, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh); Tạm trú: 109 đường H, Khu dân cư A, ấp 1, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Phạm Quốc D**, sinh năm 1997 hoặc bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ: 163 đường T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số công chứng 002530 ngày 18/8/2025).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Hoàng Anh S**, sinh năm 1980 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Anh S thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông **Trần Hoài Đ**; sinh ngày 05/7/1986; Căn cước công dân số 031086011806 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/02/2020; Địa chỉ: Số 10/18 đường M, phường C, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: 10/18 đường M, phường A, quận C, Thành phố Hải Phòng).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà **Trương Thị Ánh L**, sinh năm 1999; Địa chỉ: 163 đường T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo Giấy ủy quyền số công chứng 002531 ngày 18/8/2025).

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:*

Bà và ông Trần Hoài Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Lâm (Phường 14, Quận 6 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2015 ngày 27/01/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2021 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình nên làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù bà O đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoài Đ.

Về con chung: Bà O xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Khánh C, sinh ngày 05/3/2015 và Trần Khánh H, sinh ngày 09/7/2019. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Trần Hoài Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai đề ngày 23/10/2025 bị đơn ông Trần Hoài Đ trình bày:*

"Tôi và vợ tôi là bà Nguyễn Thị Kiều O có quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, được sự chấp thuận của 2 bên gia đình chúng tôi quyết định kết hôn với nhau. Ngày 27 tháng 01 năm 2015, chúng tôi được Ủy ban nhân dân phường 14, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2015. Chúng tôi có 02 người con chung là cháu Trần Khánh C, sinh ngày 05 tháng 03 năm 2015 và cháu Trần Khánh H, sinh ngày 09 tháng 07 năm 2019. Qua thời gian chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù nhiều lần tạo cho nhau cơ hội để mỗi người cùng thay đổi và hòa hợp, cố gắng hàn gắn nhưng không thành, chúng tôi không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đã đường ai nấy đi, không còn sống chung với nhau hơn 03 năm. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng sâu sắc, trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nay tôi làm đơn này đề nghị Quý tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều O.

Về con chung: Cháu Trần Khánh C và Trần Khánh H tôi và bà O thỏa thuận sẽ do bà O nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Tôi và bà O thỏa thuận tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết".

Bản tự khai nêu trên của ông Trần Hoài Đ đã được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Kim Loan chứng thực chữ ký số chứng thực 001757/quyển số 04-SCT/CK, ĐC ngày 23/10/2025.

*Tại Bài phát biểu của Luật sư đề ngày 20/11/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Hoàng Anh S phát biểu quan điểm như sau*: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Trần Hoài Đ; thỏa thuận bà O nuôi con và ông Đ không cấp dưỡng nuôi con; không có tài sản chung và nợ chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Do bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Trần Hoài Đ có văn bản thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn có thẩm quyền giải quyết vụ án (theo Văn bản thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết ly hôn số chứng thực 002149 quyển số 01/SCT/CK, CĐ ngày 18/8/2025) nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Căn cứ vào nội dung Giấy ủy quyền số công chứng 002530 ngày 18/8/2025, bà Nguyễn Thị Kiều O đã ủy quyền cho ông Phạm Quốc D hoặc bà Nguyễn Thị Tuyết M được nộp, nhận, trích, sao lục … các văn bản tố tụng, Quyết định, bản án của Tòa án nên Tòa án chấp nhận ông Phạm Quốc D hoặc bà Nguyễn Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn để nộp, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, căn cứ vào nội dung Giấy ủy quyền số công chứng 002531 ngày 18/8/2025 ông Trần Hoài Đ đã ủy quyền cho bà Trương Thị Ánh L được nộp, nhận, trích, sao lục … các văn bản tố tụng, Quyết định, bản án của Tòa án nên Tòa án chấp nhận bà Trương Thị Ánh L là người đại diện hợp pháp của bị đơn để nộp, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Xét, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Hoàng Anh S và bị đơn ông Trần Hoài Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2.3] Xét việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh: Tại Biên bản giao hồ sơ ngày 11/11/2025 thì Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh không nhận hồ sơ vì cho rằng hồ sơ vụ án không thuộc phạm vi Viện kiểm sát tham gia nên Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa để phát biểu quan điểm về việc giải

quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét, bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Trần Hoài Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Lâm (Phường 14, Quận 6 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2015 cấp ngày 27/01/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà O xin được ly hôn với ông Trần Hoài Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa bà O và ông Đ đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại Bản tự khai đề ngày 23/10/2025 bị đơn Trần Hoài Đ cũng đồng ý ly hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà O và ông Đ cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Khánh C, sinh ngày 05/3/2015 và Trần Khánh H, sinh ngày 09/7/2019. Tại Bản tự khai đề ngày 07/11/2025 trẻ Chi và trẻ Hà có nguyện vọng "được ở với mẹ". Đồng thời, các con chung cũng đang trong giai đoạn học tập, hình thành nhân cách nên cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Nay bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Mặt khác, ông Đ cũng đồng ý giao hai con chung cho bà O nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi và phát triển về mọi mặt của con chung, việc giao trẻ Trần Khánh C và Trần Khánh H cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ cho đến khi bà O có yêu cầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Trần Hoài Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà O và ông Đ cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn ông Trần Hoài Đ. (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Phú Lâm (Phường 14, Quận 6 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Khánh C, sinh ngày 05/3/2015 và Trần Khánh H, sinh ngày 09/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Hoài Đ cho đến khi bà O có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự cùng xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012771 ngày 03

tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10-HCM;
- THADS TPHCM;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**